

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 676/2020/DS-PT

Ngày: 15/7/2020

V/v tranh chấp về đòi tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tài

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hoàng Hoa

Bà Phan Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Hoa Thiên, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào các ngày 26/6 và ngày 15/7/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 269/DSPT ngày 11/3/2020 về việc: “Đòi tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm 09/2020/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1942/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 4930/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 5 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 7280/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng Công ty B

Địa chỉ: 185 đường Đ, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông D - Tổng Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông M

Bà T

Bị đơn: Ông L, sinh năm 1977

Địa chỉ: 948/61 đường L, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Ông D1, sinh năm 1975

Địa chỉ: 113/4 KP1, phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông L – Bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên toà sơ thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Tổng Công ty B là ông M và bà T trình bày:

Trước đây, ông L là Trưởng phòng giao dịch số 02 thuộc Hội sở Sài Gòn, Tổng Công ty B. Trong thời gian ông L giữ chức vụ, doanh thu của Phòng giao dịch số 02 liên tiếp bị âm doanh thu. Ngày 01/7/2011, Tổng công ty ra quyết định số 158/2011/QĐ-TGD về việc kiểm tra công nợ của Phòng giao dịch số 02 thuộc Hội sở B. Ngày 05/7/2011, Tổng công ty đã làm việc với Phòng giao dịch số 02. Theo kết quả kiểm tra nội bộ thì Phòng giao dịch số 02 có số công nợ là 1.605.874.989 đồng. Số tiền công nợ này là số phí bảo hiểm thu được từ hợp đồng bảo hiểm và thẻ bảo hiểm mà Phòng giao dịch số 02 chưa nộp về cho Tổng Công ty. Ngày 21/12/2011, Tổng Công ty và ông L họp lập biên bản về việc tổng kết số liệu công nợ HSP2 năm 2009 – 2010. Ngày 04/01/2012, Tổng công ty có mời ông L đến để giải quyết công nợ. Sau khi tính toán lại và trừ đi chi phí quản lý, Tổng Công ty B yêu cầu ông L trả số tiền công nợ phí bảo hiểm là 1.392.333.498 đồng gồm các khoản theo các Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới giữa Tổng Công ty B với các khách hàng sau: Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số: 1A1131/0079/10-HSP2 ngày 01/11/2010 với Garage T là 286.216.888 đồng theo Phiếu thu tiền mặt số 001100227-HSP2 ngày 31/12/2010; Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số: 1A1131/0080/10-HSP2 ngày 02/11/2010 với Garage S là 300.000.000 đồng theo Phiếu thu tiền mặt số 001100228-HSP2 ngày 31/12/2010; Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số: 1A1131/0086/10-HSP2 ngày 10/12/2010 với Công ty TNHH T là 360.000.000 đồng theo Phiếu thu tiền mặt số 001100230-HSP2 ngày 31/12/2010; và Phí bảo hiểm xe ô tô theo Biên bản làm việc ngày 05/7/2011 là 446.116.610 đồng. Tổng Công ty B đã tạo điều kiện để ông L trả nợ nhưng ông L cố tình trốn tránh không trả nợ. Ngày 06/7/2011, ông L đã chấm dứt Hợp đồng lao động với Tổng Công ty B. Nay, Tổng Công ty B yêu cầu ông L trả số công nợ còn thiếu là 1.392.333.498 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Cấp sơ thẩm tiến hành triệu tập ông L họp lệ nhưng ông L vẫn vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành hoà giải được và vụ án đưa ra xét xử công khai.

Tại bản án dân sự sơ thẩm 09/2020/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 256 Bộ luật dân sự 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu nguyên đơn: Buộc ông L trả cho Tổng Công ty B số tiền 1.392.333.498 đồng (một tỷ ba trăm chín mươi hai triệu ba trăm ba mươi ba ngàn bốn trăm chín mươi tám đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Tổng Công ty B cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án:

- Ông L trả cho Tổng Công ty B số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) vì gây thiệt hại trong quá trình làm việc tại Phòng Giao dịch số 2. Hai bên không còn tranh chấp gì nhau.

- Án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), hai bên thỏa thuận Tổng Công ty B chịu.

- Hai bên đã giao nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:
Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nằm trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Do các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cũng như án phí lao động sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử ra bản án phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn nằm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, bị đơn ông L đã thực hiện thanh toán cho nguyên đơn Tổng Công ty B số tiền là 100.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc đã thực hiện thỏa thuận của các đương sự.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng các đương sự thống nhất Tổng Công ty B chịu, Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về án phí dân sự sơ thẩm của các đương sự.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của ông L

- Về nội dung: Sửa bản án sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Khoản 8 Điều 26, khoản 5 Điều 29 Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Ông L trả cho Tổng Công ty B số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) vì gây thiệt hại trong quá trình làm việc tại Phòng Giao dịch số 02 thuộc Hội sở Sài Gòn, Tổng Công ty B.

- Hai bên không còn tranh chấp gì nhau.

- Ghi nhận việc hai bên đã giao nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Bảo Linh chịu, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 31.776.664 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2011/05725 ngày 25/02/2013 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Hoàn lại cho Tổng Công ty B là 26.776.664 đồng (hai mươi sáu triệu, bảy trăm bảy mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi bốn đồng)

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0077629 ngày 27/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện Hóc Môn
- THA DS huyện Hóc Môn;
- THA DS quận Gò Vấp;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tài